

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Niêm yết công khai dự toán
ngân sách được giao, dự toán thu-chi, kế hoạch mua sắm sửa chữa cơ sở vật chất
Năm 2023

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 09 tháng 01 năm 2023.

Tại phòng Hội đồng - trường THCS Hiệp Hoà - xã Hiệp Hoà – TX Quảng Yên.

Chúng tôi gồm:

1. Ông/Bà: Đào Thị Hà - Phó hiệu trưởng; Phụ trách nhà trường
2. Ông/Bà: Đỗ Thị Hải Yến - Phó Chủ tịch công đoàn
3. Ông/Bà: Nguyễn Thị Ánh Nguyệt - Kế toán
4. Ông/Bà: Bùi Thị Thu Oanh- Thanh tra nhân dân
5. Ông/Bà: Đinh Thị Thanh- Thư ký hội đồng

Có sự chứng kiến của:

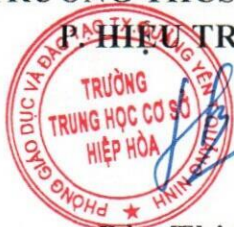
1. Ông/Bà: Bùi Thị Mai Anh - Tổ trưởng tổ KHTN
2. Ông/Bà: Trần Thị Hoài Nam- Tổ trưởng tổ KHXXH
3. Ông/Bà: Lương Thị Loan- Bí thư Đoàn

Lập biên bản về việc niêm yết công khai Quyết định số: 06/QĐ - PGD&ĐT ngày 03/01/2023 của PGD&ĐT “V/v giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023”; Phân khai dự toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2023 (mẫu 02-Thông tư 90/TT-BTC ngày 28/9/2023); Kế hoạch mua sắm tài sản nhà nước và sửa chữa cơ sở vật chất năm 2023 (mẫu 01-Thông tư 89/TT-BTC ngày 16/6/2010); Thuyết minh nguồn không tự chủ năm 2023 của trường THCS Hiệp Hoà.

Địa điểm niêm yết tại: Bảng công khai tài chính, trường THCS Hiệp Hoà, xã Hiệp Hoà, thị xã Quảng Yên

Thời gian niêm yết: Bắt đầu từ 9 giờ 10 phút ngày 09 tháng 01 năm 2023.

TRƯỜNG THCS HIỆP HOÀ
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đào Thị Hà

NGƯỜI CÓ TRÁCH
NHIỆM NIÊM YẾT

Đinh Thị Thanh

NGƯỜI CHỨNG KIẾN



PHÓ CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

Đỗ Thị Hải Yến

TỔ TRƯỞNG TỔ TN

Bùi Thị Mai Anh

TỔ TRƯỞNG TỔ XH

Trần Thị Hoài Nam

THANH TRA ND

Bùi Thị Thu Oanh

Số: 9 /QĐ -THCS HH

Hiệp Hòa, ngày 09 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai Dự toán thu - chi ngân sách nhà nước
giao đầu năm 2023 của trường THCS Hiệp Hòa**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS HIỆP HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước,

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ,

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ,

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-PGDĐT ngày 03/01/2023 của Phòng GD&ĐT Quảng Yên về việc giao dự toán thu- chi ngân sách năm 2023,

Xét đề nghị của Tổ văn phòng về việc công khai Dự toán thu - chi ngân sách nhà nước giao đầu năm 2023; Công khai kế hoạch mua sắm tài sản nhà nước và sửa chữa cơ sở vật chất năm 2023; Thuyết minh nguồn không tự chủ năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Dự toán thu - chi ngân sách năm 2023; Công khai kế hoạch mua sắm tài sản nhà nước theo dự toán năm 2023 của trường THCS Hiệp Hòa.

- Biểu mẫu 02 - Thông tư 90/TT-BTC ngày 28/9/2018
- Biểu mẫu 01 - Thông tư 89/2010 ngày 16/6/2010

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ văn phòng(Kế toán) có trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Quảng Yên;
- Như điều 3(T/h) ;
- Lưu VP.



TRƯỜNG THCS HIỆP HÒA**Chương: 622; Khoản 073****Biểu số 02**Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

Kèm theo Quyết định số: 09/QĐ-THCS HH ngày 09/01/2023 của Trường THCS Hiệp Hòa)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	594
I	Số thu phí, lệ phí	594
1	Học phí	594
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	356
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	356
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	356
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
1	Học phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.288
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.288
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.288
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.906
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	382

**THUYẾT MINH CHI TIẾT PHẦN KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ THEO NỘI DUNG,
NHIỆM VỤ CHI ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO NĂM 2023**

(PL3 kèm theo mẫu C 06-03/NS)

Kinh phí giao đầu năm

X

Kinh phí bổ sung trong năm

Nội dung bổ sung:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Kinh phí thực hiện chế độ giáo viên	132.000.000	
1	Chế độ GV thể dục theo QĐ 51-TTg	21.254.200	
1.1	Chế độ bồi dưỡng giờ dạy	17.254.200	
1.2	Hỗ trợ trang phục	4.000.000	
2	Chế độ phụ cấp ưu đãi cho nhà giáo giảng dạy trực tiếp cho NKT theo ND 28/2012	110.745.800	
II	Kinh phí sửa chữa thường xuyên, bổ sung trang thiết bị trường học	250.000.000	
1	Mua bàn ghế học sinh, bàn giáo viên, mua máy chiếu phòng học bộ môn	158.100.000	
2	Mua thiết bị phòng cháy chữa cháy (bình, tiêu lệnh,....., bảo hiểm cháy nổ)	23.830.000	
3	Sửa chữa hệ thống điện nhà học 4 tầng	68.070.000	
	Tổng số	382.000.000	

Số tiền bằng chữ: Ba trăm tám mươi hai triệu đồng chẵn.

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS HIỆP HÒA

Kế toán

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Thủ trưởng



Đào Thị Hà

TỔNG HỢP QUỸ LƯƠNG PHỤ CẤP, TRỢ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP (BHXH, YT, CD, BHYT) THÁNG 7/2023

TT		Nội dung	Biên chế được giao hoặc phê duyệt 2023	Số đối tượng có mặt đến tháng 7/2023	Hệ số quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp (BHXH, YT, CD và BHYT) đang hưởng tháng 7/2023 (thệ số)																		Hệ số bình quân 1 người/tháng	
					Trong đó:														Các khoản đóng góp BHXH, YT, CD (22,5%)		Bảo hiểm thất nghiệp (1%)			
					Tổng hệ số lương, PC và DG	Tổng hệ số lương NB, CV	Tổng các hệ số phụ cấp	PC chức vụ	PC thâm niên vượt khung	PC thâm niên nghề	PC công vụ	PC công tác, đoàn thể theo HD 05	PC Khu vực	PC ưu đãi nghề	PC Thu hút	PC Đặc biệt	PC lâu năm ở vùng DBKK	Phụ cấp kiểm nhiệm				Các Phụ cấp khác		
A	B	1	2	3=4+5+18+19	4	5=6+...+17	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=4/2	21=5/2		
	TỔNG SỐ	35	34	244,99	137,69	68,73	1,15	0,78	24,51	0,00	0,00	0,00	41,89	0,00	0,00	0,00	0,20	0,20	36,93	1,64	4,050	2,021		
1	BIÊN CHẾ	35	34	244,99	137,69	68,73	1,15	0,78	24,51	0,00	0,00	0,00	41,89	0,00	0,00	0,00	0,20	0,20	36,93	1,64	4,050	2,021		
1	Đào Thị Hà			10,69	5,36	3,62	0,25		1,68				1,68						1,64	0,07				
2	Trần Thị Hoài Nam			11,39	5,70	3,86	0,20		1,89				1,77						1,75	0,08				
3	Bùi Thị Mai Anh			10,26	4,89	3,72	0,20	0,29	1,62				1,62						1,57	0,07				
4	Hoàng Thị Thanh Hào			9,78	4,89	3,33		0,24	1,54				1,54						1,50	0,07				
5	Vũ Thị Thu Hương			9,78	4,89	3,33		0,24	1,54				1,54						1,50	0,07				
6	Dư Kim Quy			9,19	5,02	2,71			1,20				1,51						1,40	0,06				
7	Mai Thị Bích Thủy			9,26	5,02	2,76			1,26				1,51						1,41	0,06				
8	Đỗ Thị Hải Yến			9,47	5,02	2,94	0,15		1,24				1,55						1,44	0,06				
9	Bùi Thị Thu Oanh			9,24	4,98	2,79			1,29				1,49						1,41	0,06				
10	Đỗ Thị Hồng Hải			8,11	4,34	2,48	0,15		0,99				1,35						1,23	0,05				
11	Nguyễn Thị P Lan			9,07	5,02	2,61			1,10				1,51						1,38	0,06				

TT	Nội dung	Biên chế được giao hoặc phê duyệt 2023	Số đối tượng có mặt đến tháng 7/2023	Hệ số quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp (BHXH, YT, CD và BHTN) đang hưởng tháng 7/2023 (hệ số)																	Hệ số bình quân 1 người/tháng	
				Trong đó:												Các khoản đóng góp BHXH, YT, CD (22,5%)	Bảo hiểm thất nghiệp (1%)	Lương NB, CV	Các khoản phụ cấp lương			
				Tổng hệ số lương, PC và ĐG	Tổng hệ số Lương NB, CV	Tổng hệ số các khoản phụ cấp	PC chức vụ	PC thâm niên vượt khung	PC thâm niên nghề	PC công vụ	PC công tác đáng, đoàn thể theo HD 05	PC Khu vực	PC ưu đãi nghề	PC Thu hút	PC Đặc biệt					PC lâu năm ở vùng ĐBKK	Phụ cấp kiêm nhiệm	Các Phụ cấp khác
A	B	1	2	3=4+5+18+19	4	5=6+...17	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=4/2	21=5/2
12	Nguyễn Thị Vân			7,68	4,34	2,13			0,82				1,30						1,16	0,05		
13	Hoàng Thị Thúy			7,61	4,27	2,14			0,85				1,28						1,15	0,05		
14	Phạm Thị Đăng			7,68	4,34	2,13			0,82				1,30						1,16	0,05		
15	Đậu Thị Kim Ngân			6,39	3,66	1,72			0,62				1,10						0,96	0,04		
16	Nguyễn Thị Hà			7,36	4,34	1,87			0,56				1,30						1,10	0,05		
17	Đinh Thị Thanh			6,83	4,00	1,76			0,56				1,20						1,03	0,05		
18	Nguyễn Thị Định			6,63	4,00	1,60			0,40				1,20						0,99	0,04		
19	Nguyễn Minh Thùy			8,57	4,68	2,53			1,12				1,40						1,31	0,06		
20	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt			6,01	3,65	1,46	0,20		0,00				1,16				0,10		0,87	0,04		
21	Lương Thị Loan			5,56	3,33	1,37			0,37				1,00						0,83	0,04		
22	Nguyễn Thị Tố Oanh			4,90	3,06	1,12			0,00				0,92					0,20	0,69	0,03		
23	Vũ Thị Thanh Huyền			7,36	4,34	1,87			0,56				1,30						1,10	0,05		
24	Phạm Thị Hải			7,25	4,34	1,78			0,48				1,30						1,08	0,05		
25	Nguyễn Quốc Tuấn			8,05	4,68	2,11			0,70				1,40						1,21	0,05		
26	Nguyễn Thị Tinh			5,48	3,33	1,30			0,30				1,00						0,82	0,04		
27	Bùi Thị Loan			4,10	2,67	0,80			0,00				0,80						0,60	0,03		
28	Nguyễn Thị Linh			4,20	2,67	0,90			0,00				0,80				0,10		0,60	0,03		

TT		Nội dung	Biên chế được giao hoặc phê duyệt 2023	Số đối tượng có mặt đến tháng 7/2023	Hệ số quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp (BHXH, YT, CD và BHYT) đang hưởng tháng 7/2023 (thệ số)																	Hệ số bình quân 1 người/tháng	
					Tổng hệ số lương, PC và DG	Tổng hệ số Lương NB, CV	Tổng hệ số các khoản phụ cấp	Trong đó:										Các khoản đóng góp BHXH, YT, CD (22,5%)	Bảo hiểm thất nghiệp (1%)	Lương NB, CV	Các khoản phụ cấp lương		
								PC chức vụ	PC thâm niên vượt khung	PC thâm niên nghề	PC công vụ	PC công tác đoàn thể theo HD 05	PC Khu vực	PC ưu đãi nghề	PC Thu hút	PC Đặc biệt	PC lâu năm ở vùng DBKK					Phụ cấp kiêm nhiệm	Các Phụ cấp khác
A	B	1	2	3=4+5+18+19	4	5=6+...17	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=4/2	21=5/2	
29	Nguyễn Thị Vân Anh			4,10	2,67	0,80			0,00				0,80						0,60	0,03			
30	Ngô Thị Hải Yến			4,10	2,67	0,80			0,00				0,80						0,60	0,03			
31	Bùi Thị Bích Thảo			5,52	3,33	1,33			0,33				1,00						0,82	0,04			
32	Trần Thị Hương			3,59	2,34	0,70			0,00				0,70						0,53	0,02			
33	Bùi Thị Xiêm			6,91	3,99	1,84			0,64				1,20						1,04	0,05			
34	Nguyễn Thị Chung			2,86	1,86	0,56			0,00				0,56						0,42	0,02			
II	HỢP ĐỒNG			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00			

Quảng Yên, ngày 02 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Ánh Nguyệt



Đào Thị Hà

Đơn vị : Trường THCS Hiệp Hòa
Mã ĐV có quan hệ với NS : 1027584

DANH SÁCH KHOẢN CÔNG TÁC PHÍ NĂM 2023

TT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền/tháng	Số tháng	Thành tiền
A	B	C	I	I	D
1	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Kế toán	500.000	12	6.000.000
Tổng cộng					6.000.000

Số tiền bằng chữ: Sáu triệu đồng chẵn./.

Hiệp Hòa, ngày 06 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Ánh Nguyệt



P. HIỆU TRƯỞNG

Đào Thị Hà

DANH SÁCH KHOẢN VĂN PHÒNG PHẨM NĂM 2023

TT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền	Ký nhận
1	Đào Thị Hà	Phó hiệu trưởng	600.000	
2	Trần Thị Hoài Nam	TTCM	600.000	
3	Bùi Thị Mai Anh	TTCM	600.000	
4	Hoàng Thị Thanh Hảo	Giáo viên	600.000	
5	Vũ Thị Thu Hương	Giáo viên	600.000	
6	Dư Kim Quy	Giáo viên	600.000	
7	Mai Thị Bích Thủy	Giáo viên	600.000	
8	Đỗ Thị Hải Yến	TPCM	600.000	
9	Bùi Thị Thu Oanh	Giáo viên	600.000	
10	Đỗ Thị Hồng Hải	TPCM	600.000	
11	Nguyễn Thị P Lan	Giáo viên	600.000	
12	Nguyễn Thị Vân	Giáo viên	600.000	
13	Hoàng Thị Thúy	Giáo viên	600.000	
14	Phạm Thị Đăng	Giáo viên	600.000	
15	Đậu Thị Kim Ngân	Giáo viên	600.000	
16	Nguyễn Thị Hà	Giáo viên	600.000	
17	Đinh Thị Thanh	Giáo viên	600.000	
18	Nguyễn Thị Định	Giáo viên	600.000	
19	Nguyễn Minh Thủy	Giáo viên	600.000	
20	Lương Thị Loan	Giáo viên	600.000	
21	Vũ Thị Thanh Huyền	Giáo viên	600.000	
22	Phạm Thị Hải	Giáo viên	600.000	
23	Nguyễn Quốc Tuấn	Giáo viên	600.000	
24	Nguyễn Thị Tĩnh	Giáo viên	600.000	
25	Bùi Thị Loan	Giáo viên	600.000	
26	Nguyễn Thị Linh	GV-TPT	600.000	
27	Nguyễn Thị Vân Anh	Giáo viên	600.000	
28	Ngô Thị Hải Yến	Giáo viên	600.000	
29	Bùi Thị Bích Thảo	Giáo viên	600.000	
30	Trần Thị Hương	Giáo viên	600.000	
31	Bùi Thị Xiêm	Giáo viên	600.000	
Tổng cộng			18.600.000	

(Bằng chữ: Mười tám triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn.)

Hiệp Hòa, ngày 06 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đào Thị Hà